

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ SÁT HẠCH LÁI XE



QUY CHẾ

Đào tạo lái xe Mô tô, Ô tô

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 767/QĐ-TTĐT Ngày 29 tháng 08 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe)*

Ngày 29 tháng 08 năm 2025

Số: *767* /QĐ-TTĐT

Gia lai, ngày *29* tháng *8* năm 2025

QUY CHẾ

Ban hành nội quy, quy chế đào tạo lái xe Mô tô, Ô tô; quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ SÁT HẠCH LÁI XE

Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Bộ Xây dựng Quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công An Quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh Gia Lai cho phép thành lập Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe thuộc công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Gia Lai;

Căn cứ giấy phép đào tạo số 1881/GP-SGTVT ngày 23/09/2020 của Sở Giao thông vận tải Gia Lai cấp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo & sát hạch lái xe.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này nội quy, Quy chế đào tạo lái xe Ô tô, Mô tô; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2025 thay Quyết định 399/QĐ-TTĐT ngày 15/05/2025 của Giám đốc Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe về việc ban hành nội quy, quy chế đào tạo lái xe Mô tô, Ô tô; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Điều 3: Trưởng phòng Đào tạo & sát hạch lái xe, Phòng Tổng hợp, Đội xe đào tạo, Ban tư vấn tuyển sinh và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng (thay BC);
- Như điều 3;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ SÁT HẠCH LÁI XE
I HẠM XUÂN BẢO

**QUY CHẾ ĐÀO TẠO LÁI XE MÔ TÔ, Ô TÔ
CỦA TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ SÁT HẠCH LÁI XE -CÔNG TY CP
XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI GIA LAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 767 /QĐ-TTĐT ngày 29/08/2025
của Giám đốc Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về Công tác tuyển sinh, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo Mô tô, Ô tô; Quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe thuộc Công ty CP Xây dựng và Vận tải Gia Lai (Sau đây gọi tắt là Trung tâm).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng thống nhất đối với toàn thể cán bộ, giáo viên, người lao động và học viên, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo lái xe Mô tô, Ô tô trong Trung tâm.

**Chương II
QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN SINH**

Điều 3. Đối tượng và hình thức tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh

Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe, trình độ văn hóa theo quy định; đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe, có thể học trước nhưng chỉ được dự sát hạch khi đủ tuổi theo quy định.

Có đủ sức khỏe, trình độ văn hóa theo quy định, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển và được thực hiện nhiều lần trong năm.

Điều 4. Hồ sơ của người học lái xe

1. Người học lái xe lần đầu lập 01 bộ hồ sơ, nộp cho Trung tâm bằng một trong các hình thức: Trực tiếp, dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị học lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2025.

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài).

2. Người học lái xe nâng hạng lập 01 bộ hồ sơ, nộp cho Trung tâm bằng một trong các hình thức: Trực tiếp, dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại khoản 1 điều này;

- Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D2, D (xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);

- Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định tại phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Điều 5. Địa điểm tuyển sinh, hình thức đào tạo

1. Địa điểm tuyển sinh: Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe thuộc Công ty CP Xây dựng và Vận tải Gia Lai.

Địa chỉ: Đường Lý Thường Kiệt Phường Pleiku Tỉnh Gia Lai; Điện thoại: 02693.828710, 02693 874585.

2. Cán bộ tuyển sinh: Cán bộ, nhân viên và Giáo viên thuộc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe được Giám đốc Trung tâm giao nhiệm vụ làm công tác tuyển sinh và đội ngũ cộng tác viên đã ký hợp đồng với Trung tâm ĐT&SH lái xe. Người được giao nhiệm vụ làm công tác tuyển sinh chịu trách nhiệm cá nhân trước cơ sở đào tạo và pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Nhận hồ sơ đào tạo: Người dân có nhu cầu đào tạo lái xe hoặc cán bộ tuyển sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Đào tạo và Sát hạch. Phòng Đào tạo và sát hạch vào sổ nhận hồ sơ và chịu trách nhiệm sắp xếp hồ sơ vào khóa lớp theo thứ tự trong sổ nhận hồ sơ. Thông báo trực tiếp hoặc qua điện thoại cho người nộp nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện theo quy định. Phòng Đào tạo và Sát hạch tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân đến Trung tâm nộp hồ sơ.

4. Nghiêm cấm việc tuyển sinh qua trung gian và làm gian dối trong việc xác minh không biết chữ đối với người đồng bào dân tộc thiểu số. Mọi sai phạm trong việc nhận hồ sơ và sắp xếp khóa lớp Phòng Đào tạo và Sát hạch hoàn toàn chịu trách nhiệm.

5. Hình thức đào tạo:

5.1. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe hạng A1, A được chọn đăng ký học tại Trung tâm. Hạng A1 (10 giờ); Hạng A học (20 giờ) hoặc tự học các môn lý thuyết. Môn học thực hành hạng A1 (02 giờ/học viên), Hạng A (12 giờ /học viên) phải đăng ký học tại Trung tâm để được luyện tập.

5.2. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng B, C1 và các hạng nâng cấp được đào tạo.

a) Đối với nội dung học lý thuyết phải học đủ chương trình đào tạo theo quy định chương trình đào tạo của Trung tâm và được lựa chọn một trong các hình thức sau: tập trung tại Trung tâm; tập trung tại Trung tâm hoặc đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn theo quy định của Chính phủ về hoạt động đào tạo lái xe.

b) Đối với nội dung học thực hành lái xe: Theo hình thức tập trung.

c) Phải kiểm tra các môn học lý thuyết và thực hành tại Trung tâm để được xét hoàn thành khóa đào tạo.

2.3. Quá thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày cơ sở đào tạo lái xe tổ chức xét hoàn thành khóa đào tạo lần đầu mà học viên không đủ điều kiện để được xét hoàn thành khóa học đào tạo thì học viên phải đào tạo lại theo khóa đào tạo mới.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian hoạt động đào tạo

1. Thời gian khóa học được tính theo tháng học và tuần.
2. Một giờ học thực hành hoặc học theo mô - đun là 60 phút, được tính bằng một giờ chuẩn.
3. Một ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô - đun không quá 8 giờ chuẩn. Một ngày học lý thuyết không quá 8 giờ.
4. Một tuần học theo mô - đun hoặc thực hành từ 40 đến 48 giờ chuẩn. Một tuần học lý thuyết từ 40 đến 48 giờ chuẩn.
5. Tùy theo số lượng người học, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Trung tâm, Phòng ĐT&SH lái xe sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày đối với từng lớp.

Điều 7. Chương trình đào tạo

A. Đào tạo lái xe các hạng A1, A

SỐ TT	CHỈ TIÊU TÍNH TOÁN CÁC MÔN HỌC	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE	
			Hạng A1	Hạng A
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	8	16
2	Kỹ thuật lái xe	giờ	2	4
3	Thời gian học thực hành lái xe của học viên	giờ	2	12
Tổng thời gian đào tạo		giờ	12	32

2. Nội dung và phân bổ chi tiết các môn học

2.1. Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ

a) Mục đích, yêu cầu

Mục đích: Để thiết kế các bài giảng Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ và phương pháp xử lý các tình huống khi tham gia giao thông; Thông qua Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ sẽ xây dựng ý thức chấp hành Pháp luật giao thông đường bộ giúp cho người học điều khiển xe đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

Yêu cầu: Thông qua môn học Pháp luật về giao thông đường bộ: Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững pháp luật về giao thông đường bộ, hệ thống báo

hiệu đường bộ Việt Nam. Người học biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

c) Nội dung chương trình môn học

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng A1: 08 giờ		Hạng A: 32 giờ	
		Lý thuyết: 07 giờ	Thực hành: 01 giờ	Lý thuyết: 14 giờ	Thực hành: 02 giờ
I.	Phần I. Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ	2	-	4	-
1	Chương I: Những quy định chung	0,5	-	1	-
2	Chương II: Quy tắc giao thông đường bộ	0,5	-	1	-
3	Chương III: Xe mô tô tham gia giao thông đường bộ	0,5	-	1	-
4	Chương IV: Người lái xe mô tô tham gia giao thông đường bộ	0,5	-	1	-
II	Phần II. Hệ thống báo hiệu đường bộ	4	-	8	-
1	Chương I: Quy định chung	0,5	-	1	-
2	Chương II: Hiệu lệnh điều khiển giao thông	0,5	-	1	-
3	Chương III: Biển báo hiệu	2	-	4	-
	Phân nhóm và hiệu lực của biển báo hiệu				
	Biển báo cấm				
	Biển báo nguy hiểm và cảnh báo				
	Biển hiệu lệnh				
	Biển chỉ dẫn				
	Biển phụ				
4	Chương IV: Các báo hiệu đường bộ khác	0,5	-	1	-
	Vạch kẻ đường				

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng A1: 08 giờ		Hạng A: 32 giờ	
		Lý thuyết: 07 giờ	Thực hành: 01 giờ	Lý thuyết: 14 giờ	Thực hành: 02 giờ
	Cọc tiêu, tiêu phản quang, tường bảo vệ và hàng rào chắn				
	Cột kilômét				
	Mốc lộ giới				
	Gương cầu lồi và dải phân cách và lan can phòng hộ				
	Báo hiệu trên đường cao tốc				
	Báo hiệu cấm đi lại				
5	Chương V: Tốc độ và khoảng cách	0,5	-	1	-
	Quy định về tốc độ của phương tiện tham gia giao thông đường bộ				
	Khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông				
III	Phần III. Xử lý các tình huống giao thông	1	1	2	2
1	Chương I: Các đặc điểm của sa hình	0,5	0,5	1	1
2	Chương II: Các nguyên tắc đi sa hình	0,5	0,5	1	1

2.2. Môn học kỹ thuật lái xe

a) Mục đích, yêu cầu

Mục đích: Để thiết kế bài giảng môn học kỹ thuật lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe: Các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chờ hàng, có khả năng điều khiển được xe mô tô các hạng A1, A, ở các điều kiện giao thông khác nhau.

Yêu cầu: Thông qua môn học kỹ thuật lái xe: Người học có kiến thức cơ bản về các bộ phận và kỹ thuật lái xe mô tô các hạng A1, A. Nắm được các kiến thức và biết vận dụng kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

b) Nội dung chương trình môn học

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng A1: 02 giờ		Hạng A: 04 giờ	
		Lý thuyết: 01 giờ	Thực hành: 01 giờ	Lý thuyết: 01 giờ	Thực hành: 03 giờ
1	Vị trí, tác dụng các bộ phận chủ yếu của xe mô tô	0,5	-	0,5	-
2	Kỹ thuật lái xe cơ bản	0,5	1	0,5	3

2.3. Môn học thực hành lái xe

a) Mục đích, yêu cầu

Mục đích: Để thiết kế các bài giảng môn học thực hành lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe: Các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chờ hàng, có khả năng điều khiển xe mô tô các hạng A1, A ở các điều kiện giao thông khác nhau.

Yêu cầu: Thông qua môn học thực hành lái xe người học: Có kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

b. Nội dung

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng A1: 02 giờ		Hạng A: 04 giờ	
		Lý thuyết: giờ	Thực hành: 02 giờ	Lý thuyết: giờ	Thực hành: 12 giờ
1	Tập lái xe trong sân tập lái		0,5		04
2	Tập lái xe trong hình		0,5		0,5
3	Tập phanh gấp		0,5		3,5
4	Tập lái vòng cua		0,5		4

- Đào tạo lái xe hạng A1, A: Người học lái xe tham dự đầy đủ thời gian học trong chương trình đào tạo được xét hoàn thành khóa đào tạo.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE HẠNG B, C1

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO;

1. Kiến thức:

+ Nắm vững những quy định của Pháp luật về giao thông đường bộ. Trách nhiệm của người lái xe trong việc tự giác chấp hành Pháp luật về giao thông đường bộ.

+ Nắm được tác dụng, cấu tạo và nguyên lý làm việc các bộ phận chính xe ô tô thông dụng; biết được một số đặc điểm kết cấu của ô tô hiện đại.

+ Biết được yêu cầu kỹ thuật của công tác kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên, chế độ bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa được một số hư hỏng thông thường.

+ Nắm vững các kiến thức cơ bản về phẩm chất, đạo đức của người lái xe, cơ chế thị trường và cạnh tranh trong hoạt động vận tải, trách nhiệm của người sử dụng lao động, văn hóa khi tham gia giao thông và tác hại rượu bia.

+ Trang bị cho học viên những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng cơ bản về an toàn trong phòng cháy chữa cháy.

2. Kỹ năng:

+ Điều khiển được phương tiện cơ giới đường bộ (ghi trong giấy phép lái xe) tham gia giao thông an toàn trên các loại địa hình, trong các điều kiện thời tiết khác nhau, biết xử lý các tình huống để phòng tránh tai nạn giao thông.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm cho người lái xe có hiểu biết về đặc điểm của nghề lái xe cơ giới đường bộ; có nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật giao thông đường bộ khi tham gia giao thông; giáo dục nâng cao trách nhiệm, lương tâm, có đạo đức, văn hóa ứng xử và tư cách nghề nghiệp, góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.

II. KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN TỐI THIỂU

1. Phân bố thời gian tổng thể

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			Hạng B		Hạng C1
			Học xe STĐ (bao gồm cả xe ô tô điện)	Học xe chuyển số cơ khí (số sàn)	
I. Đào tạo lý thuyết		giờ	136	152	152
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	90	90	90
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	8	18	18
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	10	16	16

	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4
4	Kỹ thuật lái xe	giờ	20	20	20
5	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	4	4	4
II. Đào tạo thực hành		giờ	67	83	93
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	41	41	43
2	Thời gian học thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	24	40	48
3	Thời gian học thực hành trên ca bin học lái xe ô tô của 01 học viên	giờ	2	2	2
4	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên	km	1.000	1.100	1.100
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	290	290	275
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	710	810	825
III. Tổng thời gian đào tạo		giờ	203	235	245

2. Nội dung và phân bổ chi tiết các môn học

2.1. Môn học lý thuyết

2.1.1. Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ

a) Mục đích, yêu cầu

Mục đích: Để thiết kế các bài giảng môn học pháp luật về giao thông đường bộ, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về pháp luật giao thông đường bộ và phương pháp xử lý các tình huống khi tham gia giao thông;

Yêu cầu: Thông qua môn học Pháp luật về giao thông đường bộ: Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững pháp luật về giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ; người học biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

b) Nội dung chương trình môn học

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng B STD: 90 giờ		Hạng B số cơ khí: 90 giờ		Hạng C1: 90 giờ	
		Lý thuyết: 65 giờ	Thực hành: 25 giờ	Lý thuyết: 65 giờ	Thực hành: 25 giờ	Lý thuyết: 65 giờ	Thực hành: 25 giờ
I.	Phần I. Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ	21	-	21	-	21	-
1	Chương I: Những quy định chung	2	-	2	-	2	-
2	Chương II: Quy tắc giao thông đường bộ	9	-	9	-	9	-
3	Chương III: Xe ô tô tham gia giao thông đường bộ	5	-	5	-	5	-
4	Chương IV: Người lái xe ô tô tham gia giao thông đường bộ	5	-	5	-	5	-
II	Phần II. Hệ thống báo hiệu đường bộ	28	10	28	10	28	10
1	Chương I: Quy định chung	1	-	1	-	1	-
2	Chương II: Hiệu lệnh điều khiển giao thông	1	1	1	1	1	1
3	Chương III: Biển báo hiệu	19	5	19	5	19	5
3.1	Phân nhóm và hiệu lực của biển báo hiệu	1	-	1	-	1	-
3.2	Biển báo cấm	4	1	4	1	4	1
3.3	Biển báo nguy hiểm và cảnh báo	4	1	4	1	4	1
3.4	Biển hiệu lệnh	3	1	3	1	3	1
3.5	Biển chỉ dẫn	5	1	5	1	5	1
3.6	Biển phụ	2	1	2	1	2	1
4	Chương IV: Các báo hiệu đường bộ khác	6	4	7	4	7	4
4.1	Vạch kẻ đường	1	1	1	1	1	1
4.2	Cọc tiêu, tiêu phản quang, tường bảo vệ và hàng rào chắc chắn	1	1	1	1	1	1

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng B STD: 90 giờ		Hạng B số cơ khí: 90 giờ		Hạng C1: 90 giờ	
		Lý thuyết: 65 giờ	Thực hành: 25 giờ	Lý thuyết: 65 giờ	Thực hành: 25 giờ	Lý thuyết: 65 giờ	Thực hành: 25 giờ
4.3	Cột kilômét	1	0,5	1	0,5	1	0,5
4.4	Mốc lộ giới	1	0,5	1	0,5	1	0,5
4.5	Gương cầu lồi, dải phân và lan can phòng hộ	-	1	-	1	-	1
4.6	Báo hiệu trên đường cao tốc	1	-	1	-	1	-
4.7	Báo hiệu cấm đi lại	1	-	1	-	1	-
5	Chương V: Tốc độ và khoảng cách	1	-	1	-	1	-
	Quy định về tốc độ của phương tiện tham gia giao thông đường bộ	0,5	-	0,5	-	0,5	-
	Khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông	0,5	-	0,5	-	0,5	-
III	Phần III. Xử lý các tình huống giao thông	6	14	6	14	6	14
1	Chương I: Các đặc điểm của sa hình	2	-	2	-	2	-
2	Chương II: Các nguyên tắc đi sa hình	4	14	4	14	4	14
IV	Tổng ôn tập	10	1	10	1	10	1

2.1.2. Môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường

a) Mục đích, yêu cầu

Mục đích: Để thiết kế các bài giảng môn học cấu tạo và sửa chữa thông thường nhằm trang bị cho học viên có được những kiến thức cơ bản về tác dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các cụm, các hệ thống trên xe ô tô thông dụng và làm quen một số đặc điểm kết cấu trên xe ô tô hiện đại; thông qua môn học người học có thể hiểu được việc bảo dưỡng các cấp và các hư hỏng thông thường.

Yêu cầu: Thông qua môn học cấu tạo và sửa chữa thông thường người học có khả năng đọc được các sơ đồ, bản vẽ đơn giản về cấu tạo ô tô. hiểu được tác dụng, sơ đồ cấu tạo, nguyên lý làm việc và những chú ý trong sử dụng các cụm, các hệ

thông chính trên xe ô tô thông dụng; nắm được việc bảo dưỡng các hư hỏng thông thường và bảo dưỡng định kỳ tới tuổi thọ của xe ô tô.

b) Nội dung chương trình chi tiết

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng B STĐ: 08 giờ		Hạng B số cơ khí : 18 giờ		Hạng C1: 18 giờ	
		Lý thuyết: 8 giờ	Thực hành: 0 giờ	Lý thuyết: 10 giờ	Thực hành: 8 giờ	Lý thuyết: 10 giờ	Thực hành: 8 giờ
1	Giới thiệu chung về xe ô tô	1	-	1	-	1	-
2	Động cơ xe ô tô	1	-	2	1	2	1
3	Cấu tạo Gầm ô tô	1	-	1	1	1	1
4	Hệ thống Điện xe ô tô	1	-	1	1	1	1
5	Các hệ thống an toàn chủ động trang bị trên xe ô tô	1	-	1	1	1	1
6	Hệ thống tự chuẩn đoán trên ô tô	1	-	1	-	1	-
7	Nội quy xưởng và kỹ thuật an toàn	1	-	1	-	1	-
8	Các hư hỏng thông thường	1	-	2	4	2	4

2.1.3. Môn học Đạo đức người lái xe, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

a) Mục đích, yêu cầu

Mục đích: Để thiết kế các bài giảng môn học nhằm trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phẩm chất, đạo đức của người lái xe, trách nhiệm của người sử dụng lao động, văn hóa khi tham gia giao thông, tác hại rượu bia và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn.

Yêu cầu: Thông qua môn đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại rượu, bia khi tham gia giao thông, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: người học nắm được văn hóa của người lái xe, có kiến thức về văn hóa giao thông và phòng chống tác hại rượu bia khi tham gia giao thông, các kiến thức

cơ bản về sơ, cấp cứu và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

b) Nội dung chương trình môn học

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng B STD: 10 giờ		Hạng B số cơ khí: 16 giờ		Hạng C1: 16 giờ	
		Lý thuyết: 08 giờ	Thực hành: 02 giờ	Lý thuyết: 14 giờ	Thực hành: 02 giờ	Lý thuyết: 14 giờ	Thực hành: 02 giờ
1	Những vấn đề cơ bản về phẩm chất đạo đức trong giai đoạn hiện nay	1	-	3	-	3	-
2	Đạo đức của người lái xe	1	-	3	-	3	-
3	Văn hóa giao thông	2	-	2	-	2	-
4	Phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	3	-	3	-	3	-
5	Thực hành cấp cứu	1	2	2	1	2	1
Hướng dẫn kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ							
6	Hướng dẫn kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	3	1	3	1	3	1
6.1	Khái quát tình hình cháy nổ trong nước và địa bàn trong những năm gần đây. Có các số liệu cụ thể minh chứng. Phân tích các nguyên nhân gây ra cháy nổ và bài học kinh nghiệm từ các vụ cháy lớn.	0,5		0,5		0,5	
6.2	Kiến thức về các văn bản quy phạm Pháp luật trong phòng cháy chữa cháy	0,25		0,25		0,25	
6.3	Tính chất cháy nổ và sự nguy hiểm của các cháy cháy nổ thường gặp như xăng, dầu, khí hóa lỏng,....	0,5		0,5		0,5	
6.4	Các chất thường được sử dụng để chữa cháy	0,25		0,25		0,25	

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng B STD: 10 giờ		Hạng B số cơ khí: 16 giờ		Hạng C1: 16 giờ	
		Lý thuyết: 08 giờ	Thực hành: 02 giờ	Lý thuyết: 14 giờ	Thực hành: 02 giờ	Lý thuyết: 14 giờ	Thực hành: 02 giờ
6.5	Các biện pháp phòng cháy chữa cháy.	0,5		0,5		0,5	
6.6	Quy trình chữa cháy tại một vụ cháy, biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy	0,5		0,5		0,5	
6.7	Hướng dẫn cách sử dụng, cách kiểm tra, bảo quản các phương tiện phòng cháy chữa cháy đơn giản thường được các doanh nghiệp và cơ sở trang bị	0,5		0,5		0,5	
6.8	Thực hành chữa cháy bằng bình cứu hỏa xách tay		1		1		1

2.1.4. Môn học Kỹ thuật lái xe

a) Mục đích, yêu cầu

Mục đích: Để thiết kế các bài giảng môn học kỹ thuật lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe: những kiến thức cơ bản về các bộ phận trong buồng lái, kỹ thuật lái xe ô tô; các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển được các loại ô tô khác nhau, ở các điều kiện giao thông khác nhau

Yêu cầu: Thông qua bài học, Người học có kiến thức cơ bản về các bộ phận trong buồng lái, kỹ thuật lái xe ô tô. Nắm được các kiến thức và biết vận dụng kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

b) Nội dung chương trình chi tiết

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng B số tự động: 20 giờ		Hạng B số cơ khí: 20 giờ		Hạng C1: 20 giờ	
		Lý thuyết: 19 giờ	Thực hành: 1 giờ	Lý thuyết: 19 giờ	Thực hành: 1 giờ	Lý thuyết 19 giờ	Thực hành: 1 giờ
1	Vị trí, tác dụng các bộ phận trong buồng lái	3	-	3	-	3	-
2	Kỹ thuật lái xe cơ bản	4	-	4	-	4	-

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng B số tự động: 20 giờ		Hạng B số cơ khí: 20 giờ		Hạng C1: 20 giờ	
		Lý thuyết: 19 giờ	Thực hành: 1 giờ	Lý thuyết: 19 giờ	Thực hành: 1 giờ	Lý thuyết 19 giờ	Thực hành: 1 giờ
3	Kỹ thuật lái xe trên các loại đường	4	-	4	-	4	-
	- Lái xe ô tô trên bãi phẳng, đường bằng						
	- Lái xe ô tô trên đường dốc, đường vòng quang co						
	- Lái xe qua trạm thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ, qua cầu, phà						
	- Lái xe trên đường phức tạp qua: chỗ hẹp, đường sắt, đường xấu, đường ngập nước, đường ngầm						
	- Lái xe ô tô ban đêm, khu vực sương mù						
	- Lái xe ô tô trên đường cao tốc						
4	Kỹ thuật lái xe an toàn chủ động	2	-	2	-	2	-
5	Kỹ thuật lái xe ô tô chờ hàng hóa	1	-	1	-	1	-
6	Tâm lý điều khiển xe ô tô	2	-	2	-	2	-
7	Phương pháp thực hành lái xe tổng hợp	3	1	3	1	3	1

2.2. Môn học mô phỏng các tình huống giao thông.

a) Mục đích, yêu cầu

Mục đích: Để người học nhận biết các tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thường gặp và những nguy cơ tiềm ẩn tai nạn đang phát triển khi tham gia giao thông ở các điều kiện, môi trường giao thông trên đường bộ khác nhau.

Yêu cầu: Thông qua môn học, người học có thể nhận biết, phân tích và xác định từng giai đoạn xảy ra trong một tình huống giao thông.

b) Nội dung chương trình môn học

Số TT	NỘI DUNG	Hạng B số tự động: 4 giờ		Hạng B số cơ khí: 4 giờ		Hạng C1: 4 giờ	
		Lý thuyết: 3 giờ	Thực hành: 1 giờ	Lý thuyết: 3 giờ	Thực hành: 1 giờ	Lý thuyết: 3 giờ	Thực hành: 1 giờ
1	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	3	1	3	1	3	1

2.3. Môn học thực hành lái xe

a) Mục đích, yêu cầu

Mục đích: Để thiết kế các bài giảng môn học thực hành lái xe, nhằm trang bị cho người học lái các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng; có khả năng điều khiển được các loại ô tô khác nhau ở các điều kiện giao thông khác nhau.

Yêu cầu: Thông qua môn học thực hành lái xe: Người học có kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

b) Hạng B số tự động:

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng B số tự động	
		Số giờ/1 học viên	Số Km/1 học viên
1	Tập lái xe trên xe ô tô được kê kích		
1.1	Tập lái tại chỗ không nổ máy	0,8	
1.2	Tập lái tại chỗ có nổ máy	0,8	
2	Tập lái xe trên sân tập lái		
2.1	Tập lái xe trong bãi phẳng	6,4	99 Km
2.2	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi	9,6	27 Km
2.3	Tập lái xe trên đường bằng	6,4	99 Km
2.4	Bài tập lái tổng hợp	17	65Km
3	Tập lái xe trên đường giao thông		
3.1	Tập lái trên đường cao tốc hoặc đường cao tốc phân kỳ đầu tư (Học trên cabin tập lái xe ô tô)	01	
3.2	Tập lái xe trên đường dốc, đường vòng quanh co	12	340 Km

3.3	Tập lái xe trên đường phức tạp	05	170Km
3.4	Tập lái xe ban đêm	02	40 Km
3.5	Tập lái xe có tải	04	160 Km

Ghi chú: Tập lái trên Cabin học lái xe ô tô 02h/1học viên được bố trí sau khi học xong lý thuyết

b) Hạng B số cơ khí:

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng B số cơ khí	
		Số giờ/1 học viên	Số Km/1 học viên
1	Tập lái xe trên xe ô tô được kê kích		
1.1	Tập lái tại chỗ không nổ máy	0,8	
1.2	Tập lái tại chỗ có nổ máy	0,8	
2	Tập lái xe trên sân tập lái		
2.1	Tập lái xe trong bãi phẳng	6,4	99 Km
2.2	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi	9,6	27 Km
2.3	Tập lái xe trên đường bằng	6,4	99 Km
2.4	Bài tập lái tổng hợp	17	65 Km
3	Tập lái xe trên đường giao thông		
3.1	Tập lái trên đường cao tốc hoặc đường cao tốc phân kỳ đầu tư (Học trên cabin tập lái xe ô tô)	01	
3.2	Tập lái xe trên đường dốc, đường vòng quanh co	11	190 Km
3.3	Tập lái xe trên đường phức tạp	10	210 Km
3.4	Tập lái xe ban đêm	02	40 Km
3.5	Tập lái xe có tải	12,4	290 Km
3.6	Tập lái trên đường với xe ô tô chuyên số tự động(bao gồm cả xe ô tô điện) đối với hạng B số cơ khí và hạng C1	3,6	80 Km

Ghi chú: Tập lái trên Cabin học lái xe ô tô 02h/1học viên được bố trí sau khi học xong lý thuyết

c) Hạng C1

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng C1	
		Số giờ/1 học viên	Số Km/1 học viên
1	Tập lái xe trên xe ô tô được kê kích		
1.1	Tập lái tại chỗ không nổ máy	01	
1.2	Tập lái tại chỗ có nổ máy	01	
2	Tập lái xe trên sân tập lái		
2.1	Tập lái xe trong bãi phẳng	06	84 Km
2.2	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi	08	30 Km
2.3	Tập lái xe trên đường bằng	06	84 Km
2.4	Bài tập lái tổng hợp	21	77 Km
3	Tập lái xe trên đường giao thông		
3.1	Tập lái trên đường cao tốc hoặc đường cao tốc phân kỳ đầu tư (Học trên cabin tập lái xe ô tô)	01	
3.2	Tập lái xe trên đường dốc, đường vòng quanh co	10	170 Km
3.3	Tập lái xe trên đường phức tạp	09	155 Km
3.4	Tập lái xe ban đêm	02	35 Km
3.5	Tập lái xe có tải	22	385 Km
3.6	Tập lái trên đường với xe ô tô chuyên số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện) đối với hạng B số cơ khí và hạng C1	04	80 Km

Ghi chú: Tập lái trên Cabin học lái xe ô tô 02h/1 học viên được bố trí sau khi học xong lý thuyết

II. KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN TỐI THIỂU

1. Phân bố thời gian tổng thể B lên C, C1 lên C, B lên D2, D2 lên D

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE			
			B lên C	C1 lên C	B lên D2	D2 lên D
I. Đào tạo lý thuyết		giờ	40	20	48	24
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	16	8	20	10
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	8	4	8	4
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	10	3	14	5
	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4	4
4	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	2	1	2	1
II. Đào tạo thực hành		giờ	17	9	27	14
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	7	4	12	6
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	10	5	15	8
3	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên	km	240	120	380	190
Trong	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	30	15	52	26

đó	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	210	105	328	164
III. Tổng thời gian đào tạo		giờ	57	29	75	38

2. Phân bổ thời gian tổng thể C lên D2, C lên D, C lên CE

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			C lên D2	C lên D	C lên CE
I. Đào tạo lý thuyết		giờ	24	48	40
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	10	20	16
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	4	8	8
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	5	14	10
	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4
4	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	1	2	2
II. Đào tạo thực hành		giờ	14	27	17
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	6	12	7
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	8	15	10
3	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên	km	190	380	240

Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	26	52	30
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	164	328	210
III. Tổng thời gian đào tạo		giờ	38	75	57

3. Nội dung và phân bổ chi tiết các môn học

3.1. Môn học lý thuyết

3.1.1. Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ

Mục đích: Để thiết kế các bài giảng Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ và phương pháp xử lý các tình huống khi tham gia giao thông; Thông qua Môn học Pháp luật về giao thông đường bộ sẽ xây dựng ý thức chấp hành Pháp luật giao thông đường bộ giúp cho người học điều khiển xe đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

Yêu cầu: Thông qua môn học Pháp luật về giao thông đường bộ: Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững pháp luật về giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ Việt Nam. Người học biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

a) Nội dung chương trình môn học

STT	NỘI DUNG	ĐÀO TẠO NÂNG HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE						
		B lên C (giờ)	C1 lên C (giờ)	C lên D2 (giờ)	C lên CE (giờ)	B lên D2 (giờ)	C lên D (giờ)	D2 lên D (giờ)
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	16	08	10	16	20	20	10
a)	Phần I. Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ	4	2	3	4	6	6	3
Trong đó	Chương I: Những quy định chung	0,5	0,5	0,5	0,5	1	1	0,5

	Chương II: Quy tắc giao thông đường bộ	1	0,5	1	1	2	2	1
	Chương III: Xe ô tô tham gia giao thông đường bộ	1	0,5	0,5	1	1	1	0,5
	Chương IV: Người lái xe ô tô tham gia giao thông đường bộ	1,5	0,5	1	1,5	2	2	1
b)	Phần II: Hệ thống báo hiệu đường bộ	9	4	5	9	10	10	5
Trong đó	Chương I: Quy định chung	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
	Chương II: Hiệu lệnh điều khiển giao thông	0,5	0,5	0,5	0,5	1	1	0,5
	Chương III: Biển báo hiệu	3	1,5	1,5	4	4	4	1,5
	Chương IV: Các báo hiệu đường bộ khác	3	1	1,5	2	2,5	2,5	1,5
	Chương V: Tốc độ và khoản cách	2	0,5	1	2	2	2	1
c)	Phần III: Xử lý các tình huống giao thông	3	2	2	3	4	4	2
Trong đó	Chương I: Các đặc điểm của sa hình	1	0,5	1	1	2	2	1

Chương II : Các nguyên tắc đi sa hình	2	1,5	1	2	2	2	2	1
---	---	-----	---	---	---	---	---	---

3.1.2 Kiến thức mới về xe nâng hạng

1.1 Mục đích

- Để thiết kế các bài giảng cho chương trình đào tạo lái xe nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cấu tạo cơ bản của xe nâng hạng, kinh nghiệm, kỹ năng cơ bản về an toàn trong trường hợp xe xảy ra sự cố.

- Thông qua chương trình học học viên được trang bị kiến thức và khả năng ứng phó khi gặp sự cố trong quá trình điều khiển, vận hành phương tiện.

1.2 Yêu cầu

- Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững cấu tạo cơ bản của xe nâng hạng. Người học viết vận dụng linh hoạt kiến thức và khả năng.

STT	NỘI DUNG	ĐÀO TẠO NÂNG HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE						
		B lên C (giờ)	C1 lên C (giờ)	C lên D2 (giờ)	C lên CE (giờ)	B lên D2 (giờ)	C lên D (giờ)	D2 lên D (giờ)
1	Kiến thức mới về xe nâng hạng	8	4	4	8	8	8	4
Trong đó	Giới thiệu cấu tạo chung, vị trí, cách sử dụng các thiết bị trong buồng lái	2	1	1	2	2	2	1
	Một số đặc điểm về kết cấu điển hình trên động cơ xe ô tô nâng hạng	2	1	1	2	2	2	1

Một số đặc điểm điển hình về hệ thống điện xe ô tô hiện đại	2	1	1	2	2	2	1
Đặc điểm về kết cấu điển hình hệ thống truyền động xe ô tô nâng hạng	2	1	1	2	2	2	1

3.1.3. Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng , chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông

a) Mục đích, yêu cầu

Mục đích: Để thiết kế các bài giảng môn học nhằm trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phẩm chất, đạo đức của người lái xe, trách nhiệm của người sử dụng lao động, văn hóa khi tham gia giao thông, tác hại rượu bia và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn.

Yêu cầu: Thông qua môn đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại rượu, bia khi tham gia giao thông, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: người học nắm được văn hóa của người lái xe, có kiến thức về văn hóa giao thông và phòng chống tác hại rượu bia khi tham gia giao thông, các kiến thức cơ bản về sơ, cấp cứu và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

STT	NỘI DUNG	ĐÀO TẠO NÂNG HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE						
		B lên C (giờ)	C1 lên C (giờ)	C lên D2 (giờ)	C lên CE (giờ)	B lên D2 (giờ)	C lên D (giờ)	D2 lên D (giờ)
1.	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng ,chống tác hại của rượu, bia	10	3	5	10	14	10	5

	khi tham gia giao thông							
Trong đó	Những vấn đề cơ bản về phẩm chất đạo đức trong giai đoạn hiện nay	2	0,5	1	2	3	2	1
	Đạo đức của người lái xe	2	1	1	2	3	2	1
	Văn hóa giao thông	2	0,5	1	2	3	2	1
	Phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	2	0,5	1	2	3	2	1
	Thực hành cấp cứu	2	0,5	1	2	2	2	1
	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	4	4	4	4	4	4	4

3.1.4. Mô phỏng các tình huống giao thông

a) Mục đích, yêu cầu

Mục đích: Để người học nhận biết các tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thường gặp và những nguy cơ tiềm ẩn tai nạn đang phát triển khi tham gia giao thông ở các điều kiện, môi trường giao thông trên đường bộ khác nhau.

Yêu cầu: Thông qua môn học, người học có thể nhận biết, phân tích và xác định từng giai đoạn xảy ra trong một tình huống giao thông.

STT	NỘI DUNG	ĐÀO TẠO NÂNG HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE
-----	----------	------------------------------------

		B lên C (giờ)	C1 lên C (giờ)	C lên D2 (giờ)	C lên CE (giờ)	B lên D2 (giờ)	C lên D (giờ)	D2 lên D (giờ)
1.	Mô phỏng các tình huống giao thông	2	1	2	2	2	1	1
Trong đó	Chương 1: Giao thông trên đường phố (29 câu)	2	1	2	2	2	1	1
	Chương 2: Giao thông trên đường giao thông nông thôn (14 câu)							
	Chương 3: Giao thông trên đường cao tốc (20 câu)							
	Chương 4: Giao thông trên đường núi (10 câu)							
	Chương 5: Giao thông trên đường quốc lộ (17 câu)							
	Chương 6: Các tình huống mô phỏng từ các vụ tai nạn giao thông điển hình đã xảy ra trong thực tế (30 câu)							

3.2. Môn học thực hành lái xe

3.2.1 Hạng B lên C

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng B lên C	
		Số giờ/1 học viên	Số Km/1 học viên
1	Tập lái xe trên xe ô tô được kê kích		

2.1	Tập lái tại chỗ không nổ máy	0,25	
2.1	Tập lái xe tại chỗ có nổ máy	0,25	
2	Tập lái xe trên sân tập lái		
2.1	Tập lái xe trong bãi phẳng	0,5	7,5 Km
2.2	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi	0,5	2,5 Km
2.3	Tập lái xe trên đường bằng	0,5	10 Km
2.4	Bài tập lái tổng hợp	05	10 Km
3	Tập lái xe trên đường giao thông		
3.2	Tập lái xe trên đường đèo dốc, đường vòng quanh co	2,5	52 Km
3.3	Tập lái xe trên đường phức tạp	2,5	35 Km
3.4	Tập lái ban đêm	02	35 Km
3.5	Tập lái xe có tải	03	88 Km

3.2.2 Hạng C lên D2, D2 lên D

SỐ TT	NỘI DUNG	Hạng C lên D2, D2 lên D	
		Số giờ/1 học viên	Số Km/1 học viên
1	Tập lái xe trên xe ô tô được kê kích		
2.1	Tập lái tại chỗ không nổ máy	0,25	
2.1	Tập lái xe tại chỗ có nổ máy	0,25	
2	Tập lái xe trên sân tập lái		
2.1	Tập lái xe trong bãi phẳng	0,5	06 Km
2.2	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi	0,5	2,5 Km
2.3	Tập lái xe trên đường bằng	0,5	7,5 Km
2.4	Bài tập lái tổng hợp	04	10 Km
3	Tập lái xe trên đường giao thông		
3.2	Tập lái xe trên đường dốc, đường vòng quanh co	2,5	42 Km
3.3	Tập lái xe trên đường phức tạp	2,5	62 Km
3.4	Tập lái ban đêm	02	30 Km

3.5	Tập lái xe có tải	01	30 Km
-----	-------------------	----	-------

3.2.3 Hạng B lên D2

SỐ TT	NỘI DUNG	B lên D2	
		Số giờ/1 học viên	Số Km/1 học viên
1	Tập lái xe trên xe ô tô được kê kích		
2.1	Tập lái tại chỗ không nổ máy	0,8	
2.1	Tập lái xe tại chỗ có nổ máy	0,8	
2	Tập lái xe trên sân tập lái		
2.1	Tập lái xe trong bãi phẳng	0,8	12 Km
2.2	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi	1,6	03 Km
2.3	Tập lái xe trên đường bằng	1,6	18 Km
2.4	Bài tập lái tổng hợp	6,4	19 Km
3	Tập lái xe trên đường giao thông		
3.2	Tập lái xe trên đường đèo dốc, đường vòng quanh co	3,4	59 Km
3.3	Tập lái xe trên đường phức tạp	3,6	76 Km
3.4	Tập lái ban đêm	02	40 Km
3.5	Tập lái xe có tải	04	100 Km
3.6	Tập lái xe trên đường với xe tải hạng C	02	53 Km

3.2.4 Hạng C lên D

SỐ TT	NỘI DUNG	C lên D	
		Số giờ/1 học viên	Số Km/1 học viên
1	Tập lái xe trên xe ô tô được kê kích		
2.1	Tập lái tại chỗ không nổ máy	0,8	
2.1	Tập lái xe tại chỗ có nổ máy	0,8	
2	Tập lái xe trên sân tập lái		
2.1	Tập lái xe trong bãi phẳng	0,8	12 Km
2.2	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi	1,6	03 Km

2.3	Tập lái xe trên đường bằng	1,6	18 Km
2.4	Bài tập lái tổng hợp	6,4	19 Km
3	Tập lái xe trên đường giao thông		
3.2	Tập lái xe trên đường đèo dốc, đường vòng quanh co	3,4	59 Km
3.3	Tập lái xe trên đường phức tạp	3,6	76 Km
3.4	Tập lái ban đêm	02	40 Km
3.5	Tập lái xe có tải	06	153 Km

3.2.5 Hạng C lên CE

SỐ TT	NỘI DUNG	C lên CE	
		Số giờ/1 học viên	Số Km/1 học viên
1	Tập lái xe trên xe ô tô được kê kích		
2.1	Tập lái tại chỗ không nổ máy	0,5	
2.1	Tập lái xe tại chỗ có nổ máy	0,5	
2	Tập lái xe trên sân tập lái		
2.1	Tập lái xe trong bãi phẳng	0,5	6 Km
2.2	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi	01	3 Km
2.3	Tập lái xe trên đường bằng	0,5	9 Km
2.4	Bài tập lái tổng hợp	04	12 Km
3	Tập lái xe trên đường giao thông		
3.2	Tập lái xe trên đường đèo dốc, đường vòng quanh co	02	55 Km
3.3	Tập lái xe trên đường phức tạp	02	38 Km
3.4	Tập lái ban đêm	02	38 Km
3.5	Tập lái xe có tải	04	79 Km

3.2.6 Hạng C1 lên C

SỐ TT	NỘI DUNG	C1 lên C	
		Số giờ/1 học viên	Số Km/1 học viên
1	Tập lái xe trên xe ô tô được kê kích		

2.1	Tập lái tại chỗ không nổ máy	0,25	
2.1	Tập lái xe tại chỗ có nổ máy	0,25	
2	Tập lái xe trên sân tập lái		
2.1	Tập lái xe trong bãi phẳng	0,5	03 Km
2.2	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiền lùi theo hình chữ chi	01	06 Km
2.3	Tập lái xe trên đường bằng	0,5	03 Km
2.4	Bài tập lái tổng hợp	1,5	03 Km
3	Tập lái xe trên đường giao thông		
3.2	Tập lái xe trên đường đèo dốc, đường vòng quanh co	01	20 Km
3.3	Tập lái xe trên đường phức tạp	01	20 Km
3.4	Tập lái ban đêm	01	20 Km
3.5	Tập lái xe có tải	02	45 Km

Ghi chú:

Nội dung học thực hành xe trên sân tập lái và trên đường giao thông thực hiện sau khi học viên học xong nội dung tập lái trên xe ô tô được kê kích.

- Quãng đường tập lái xe được tính cho từng học viên và thời gian tập lái xe trên sân tập lái được tính cho nhóm học viên trên xe tập lái.

Điều 8. Tổ chức và quản lý chương trình đào tạo

1. Tổ chức khóa đào tạo

a) Kế hoạch đào tạo đối với khóa học: Do Phòng đào tạo và sát hạch lái xe xây dựng được Giám đốc trung tâm phê duyệt, kế hoạch phải thể hiện được các nội dung: mục tiêu đào tạo, số lượng môn học, mô đun, tên từng môn học, mô đun đào tạo; thời gian thực hiện; thời gian kiểm tra, hoặc thi kiểm tra kết thúc môn học; địa điểm thực hiện.

b) Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe căn cứ các nội dung gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 6 và phụ lục 1 ban hành theo thông tư 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2025. Thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ, Tết để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 90 ngày (đối với B, C1).

- Chương trình đào tạo lái xe các hạng đối với hạng B số tự động, hạng B số cơ khí, hạng C1 là chương trình đào tạo thường xuyên (đào tạo dưới không quá 90 ngày).

- Số học viên trong nhóm học thực hành lái xe được bố trí trên một xe tập lái: hạng B không quá 05 học viên và hạng C1 không quá 08 học viên. Trong đó quãng đường tập lái xe được tính cho từng học viên và thời gian tập lái xe trên sân tập lái được tính cho nhóm học viên trên xe tập lái.

c) Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe căn cứ các nội dung gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 7 và phụ lục 1 ban hành theo 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2025. Thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ, Tết để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 60 ngày. (đối với các hạng nâng cấp).

- Số học viên trong nhóm học thực hành lái xe được bố trí trên một xe tập lái: để học nâng hạng B lên C, C1 lên C, C lên CE không quá 08 học viên; B lên D2, hạng C lên D2, C lên D; D2 lên D Không quá 10 học viên.

d) Người học phải được thông báo về quy chế đào tạo; kế hoạch đào tạo của khóa học, đợt học; nội dung chương trình đào tạo bắt buộc cho cả khóa học, đợt học; lịch kiểm tra, hình thức kiểm tra, thi kết thúc hoặc công nhận kết quả; quyền lợi và nghĩa vụ của người học.

Học viên được coi là hoàn thành thời gian học thực hành lái xe trên đường nếu số giờ học thực hành lái xe trên đường giao thông không ít hơn 50% số giờ học thực hành lái xe trên đường giao thông.

Học viên được coi là hoàn thành quãng đường học thực hành lái xe trên đường nếu đạt số km học thực hành lái xe trên đường giao thông.

2. Tổ chức lớp học và địa điểm đào tạo

a) Tổ chức lớp lái xe ô tô: Lớp học được thành lập theo Quyết định của Giám đốc trung tâm, trên cơ sở danh sách tuyển sinh; Mỗi lớp có một giáo viên chủ nhiệm phụ trách lớp. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người chịu trách nhiệm thực hiện mọi quyết định quản lý của Giám đốc Trung tâm đối với lớp và các thành viên trong lớp học. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người theo dõi, tổ chức cho lớp mình thực hiện theo kế hoạch đào tạo, đánh giá việc thực hiện của các học viên, báo cáo lãnh đạo Trung tâm.

b) Địa điểm đào tạo: Địa điểm đào tạo được thực hiện linh hoạt theo yêu cầu của từng mô - đun, môn học trong chương trình đào tạo. (Tại Trung tâm đào tạo)

c) Tổ chức đào tạo lái xe mô tô phải có kế hoạch, nêu rõ thời gian tuyển sinh, quyết định thành lập lớp, tổ chức đào tạo tại các xã huyện thì phải có xác thực của địa phương.

d) Địa điểm học thực hành: Sân tập lái xe của các Trung tâm đào tạo & Sát hạch lái xe thuộc Công ty cổ phần Xây dựng và Vận tải Gia Lai và các tuyến đường được Sở Xây dựng cấp giấy phép xe tập lái.

3. Sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo

Đối với Ô tô: Kế hoạch đào tạo; Tiến độ đào tạo lái xe ô tô các hạng; Sổ theo dõi thực hành lái xe theo Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025;

a) Báo cáo đăng ký khóa đào tạo lái xe;

b) Kế hoạch đào tạo;

c) Sổ phân công giáo viên, xe tập lái tham gia giảng dạy theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025;

d) Mẫu tiên độ đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025;

đ) Sổ theo dõi kết quả học tập theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025;

e) Sổ tay giáo viên theo quy định tại Phụ lục VII Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025;

g) Sổ theo dõi học viên xét hoàn thành khóa đào tạo theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025.

h) Dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật về giao thông đường bộ (đối với học tập trung), dữ liệu quản lý học viên trên phần mềm quản lý (đối với học từ xa, tự học có hướng dẫn), dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường và dữ liệu học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô của học viên.

Đối với Mô tô

a) Báo cáo đăng ký khóa đào tạo lái xe theo quy định tại mẫu 1 và mẫu 2 phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025.

b) Sổ tay giáo viên theo quy định tại Phụ lục VII Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025;

4. Yêu cầu đối với giáo viên giảng dạy

a) Giáo viên giảng dạy phải đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định được bố trí phù hợp từng nội dung trong chương trình đào tạo.

b) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ bài giảng (Giáo án, đề cương, sổ tay lên lớp...) trước khi lên lớp, giáo án phải được trưởng ban duyệt trước khi giảng dạy. Thực hiện đúng, đủ thời gian giảng dạy theo kế hoạch, trường hợp không lên lớp được vì các lý do khác phải thông báo kịp thời với Giám đốc Trung tâm để bố trí điều động giáo viên khác dạy thay.

c) Ghi chép sổ sách chuyên môn đầy đủ: Sổ lên lớp, sổ thực hành lái xe, sổ tay giáo viên phải được cập nhật thông tin hàng ngày giảng dạy. Cán bộ quản lý được giao nhiệm vụ khi đi kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất, giáo viên phải xuất trình đầy đủ hồ sơ giảng dạy đối với các khóa đang giảng dạy cho cán bộ kiểm tra, nếu không xuất trình được sẽ phải chịu trách nhiệm trước Trung tâm.

d) Đối với giáo viên dạy thực hành phải luôn đảm bảo xe hoạt động tốt, an toàn, có đầy đủ giấy tờ của xe tập lái, giấy tờ của giáo viên, thực hiện nghiêm quy chế quản lý phương tiện của Trung tâm.

e) Giáo viên khi tham gia dạy thực hành lái xe phải đảm bảo các điều kiện: Đeo thẻ giáo viên, Học viên phải đeo thẻ học viên trong quá trình tập lái xe; Không được chở người, hàng trên xe tập lái trái quy định; Dạy thực hành chạy đúng tuyến đường trong Giấy phép xe tập lái; Ngồi bên cạnh để bảo trợ tay lái cho học viên thực hành lái xe (kể cả trong sân tập lái và ngoài đường giao thông công cộng); Có

giáo án phù hợp với môn học được phân công giảng dạy theo quy định, mang theo Giấy phép xe tập lái còn giá trị sử dụng.

5. Yêu cầu đối với học viên:

a) Khi đến Trung tâm phải có tác phong ăn mặc gọn gàng, mang giày hoặc dép có quai hậu, bảng tên học viên, áo đồng phục theo quy định của trung tâm.

b) Chấp hành nghiêm các quy định về thời gian và nội dung học lý thuyết và thực hành, đi học đúng giờ, nghỉ học phải xin phép, không vi phạm pháp luật.

c) Chấp hành nghiêm các quy định trong công tác quản lý học viên, nội quy của Trung tâm.

d) Đối với các trường hợp học viên đã ký hợp đồng đào tạo và nộp học phí đầy đủ nhưng không theo học hoặc tự ý bỏ học không có lý do, không làm thủ tục thanh lý hợp đồng đào tạo, không có đơn xin học lại các khóa sau, Trung tâm sẽ không có trách nhiệm hoàn trả học phí như đã cam kết trong hợp đồng.

e) Các khóa học đã kết thúc thời gian đào tạo nhưng học viên chưa hoàn thành dữ liệu DAT, chưa đủ thời gian và nội dung thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô, Trung tâm không chịu trách nhiệm đào tạo lại cho học viên. Học viên muốn tiếp tục học thì phải làm đơn được Giám đốc Trung tâm phê duyệt và nộp học phí các khoa mục còn thiếu theo quy định.

Điều 9. Giáo trình đào tạo

Sử dụng bộ Giáo trình khung đào tạo lái xe do Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe ban hành theo quy định của Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025.

Điều 10. Nghỉ học tạm thời

1. Người học được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động đi làm nghĩa vụ quân sự, công an nghĩa vụ, thanh niên xung phong;

b) Bị ốm đau hoặc tai nạn phải điều trị dài ngày, nhưng phải có giấy xác nhận của bệnh viện hoặc cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền;

c) Trường hợp vì nhu cầu cá nhân, người học phải có đủ các điều kiện:

- Đã học hết các môn học lý thuyết trong chương trình đào tạo;

- Không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 10 của quy chế này.

2. Người học khi muốn nghỉ học tạm thời, trở lại học tiếp, phải có đơn được Giám đốc Trung tâm chấp nhận và có quyết định đình chỉ học tạm thời hoặc đi học lại.

3. Học viên không tham gia học lý thuyết theo kế hoạch đào tạo của Trung tâm, Trung tâm sẽ chuyển sang khóa học tiếp theo khi học viên có nhu cầu đăng ký học lại.

Điều 11. Buộc thôi học, tự thôi học

1. Người học bị buộc thôi học trong quá trình học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học.
- b) Không tham gia đầy đủ các nội dung chương trình đào tạo.
- c) Đã hết thời gian đào tạo tối đa đối với chương trình đào tạo quy định tại Điều 6 của quy chế này.

2. Người học không thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại Khoản 1 Điều này, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị Giám đốc Trung tâm cho thôi học:

- a) Người học tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình đào tạo.
- b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được Giám đốc Trung tâm chấp thuận.

3. Người học bị buộc thôi học, tự thôi phải có đầy đủ hồ sơ liên quan đến việc xem xét việc bị buộc thôi học, tự thôi học, có quyết định buộc thôi học, tự thôi đối với người học.

Chương IV

KIỂM TRA HOÀN THÀNH KHÓA HỌC, XÉT HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO

Điều 12. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

- Điều kiện dự kiểm tra kết thúc nội dung đào tạo: Người học được dự kiểm tra kết thúc nội dung có đủ điều kiện sau:

- Người học được kiểm tra kết thúc nội dung đào tạo khi tham dự tối thiểu 70% thời gian học nội dung đào tạo lý thuyết, học đủ thời gian và tối thiểu 50% quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái; học đủ quãng đường tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường.

- Đối với môn học Thực hành lái xe: học viên phải tham dự đầy đủ các nội dung đào tạo thực hành trong sân tập lái; Hoàn thành thời gian và quãng đường học thực hành lái xe trên đường theo quy định (không ít hơn 50% thời gian; đạt số km học thực hành lái xe trên đường giao thông được quy định trong chương trình đào tạo tại Điều 7 quy chế này). Dữ liệu DAT chỉ được chấp nhận trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp học viên đã chạy đủ hoặc vượt số km theo quy định mà dữ liệu DAT chưa ghi nhận đủ thì học viên phải báo cáo ngay với Trung tâm để kiểm tra dữ liệu và đề xuất phương án tổ chức xây dựng kế hoạch chạy bổ sung (*nếu cần thiết*); Học đủ 02 giờ thực hành trên Cabin học lái xe ô tô các nội dung được phân bổ trong chương trình đào tạo;

- Đảm bảo đủ số giờ ôn luyện xe thiết bị trước kỳ kiểm tra kết thúc khóa học, như sau:

TT	Hạng xe	Số giờ ôn luyện trong hình		Số lượt ôn đường trường	
		Số giờ	Đơn giá (đồng)	Số lượt	Đơn giá (đồng)
1	Hạng B	02	470.000	02	100.000
2	Hạng C1	01	540.000	02	120.000
3	Hạng C, D2, D, CE	Từ 01 đến 02 giờ	550.000	02	150.000

2. Hình thức, thời gian kiểm tra hoàn thành khóa đào tạo.

- Hình thức

2.1. Kiểm tra khi kết thúc nội dung đào tạo lý thuyết: Theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết và mô phỏng các tình huống giao thông do bộ công an ban hành;

2.2. Kiểm tra khi kết thúc nội dung đào tạo thực hành lái xe gồm các bài liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường.

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C	Hạng D2, D, CE
Số câu hỏi	30	35	40	45
Thời gian làm bài (phút)	20	22	24	26
Điểm đạt tối thiểu	27	32	36	41

Mỗi câu hỏi được tính 01 điểm và mỗi đề kiểm tra có 01 câu hỏi nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài kiểm tra thì không đạt nội dung kiểm tra lý thuyết.

Khi hoàn thành bài kiểm tra hoặc hết thời gian làm bài theo quy định trên, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

- Kiểm tra môn học mô phỏng các tình huống giao thông: Kiểm tra trên máy tính bằng phần mềm sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông do Bộ giao thông ban hành.

Thời gian làm bài: không quá 10 phút.

Đề kiểm tra được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề kiểm tra mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm.

Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng. Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống

mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

Các tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

- Kiểm tra khi kết thúc môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường: Điểm môn thi là trung bình cộng của các nội dung thi sau khi đã quy về thang điểm 10.

+ Kiểm tra thực hành kỹ năng lái xe trong hình: Thực hiện tại sân tập tổng hợp của Trung tâm có 2 hình thức: Giáo viên tự chấm điểm trực tiếp trên xe không gắn thiết bị và chấm điểm tự động trên xe thiết bị theo thang điểm 100.

+ Kiểm tra thực hành kỹ năng lái xe tiến lùi hình chữ chi: Thực hiện tại sân tập lái của Trung tâm chấm theo trực quan của giám khảo theo thang điểm 10.

+ Kiểm tra thực hành kỹ năng lái xe trên đường giao thông công cộng: Thực hiện trên đường giao thông đảm bảo theo tiêu chuẩn, chấm theo trực quan của giám khảo theo thang điểm 100.

Trường hợp người học bị ốm trong quá trình học hoặc trong kỳ kiểm tra kết thúc nội dung đào tạo phải viết đơn xin nghỉ phép gửi phòng ĐT và SH lái xe trong thời hạn không quá 01 tuần kể từ ngày ốm kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế nhưng phải đảm bảo tham dự lớp đầy đủ.

3. Các nội dung kiểm tra

a. Lý Thuyết

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C	Hạng D2, D, CE
Số câu hỏi	30	35	40	45
Thời gian làm bài (phút)	20	22	24	26
Điểm đạt tối thiểu	27	32	36	41

- Mỗi câu hỏi trong đề kiểm tra có từ 02 đến 04 ý trả lời và chỉ có 01 ý trả lời đúng nhất; trong số các câu hỏi, có 01 câu trả lời sai sẽ bị truất quyền thi, các câu còn lại, mỗi câu tính là 01 điểm.

Thi mô phỏng các hạng

Nội dung	Hạng B, C1, C, D2, D, CE
Thang điểm	50
Điểm đạt tối thiểu	35

b. Thực hành :

- Kiểm tra trong hình bằng thiết bị chấm điểm tự động có giáo viên ngồi bảo hiểm tay lái hoặc không có giáo viên bảo hiểm tay lái: Thời gian và điểm đạt như sau:

Nội dung	Hạng B	Hạng D2	Hạng C1, C, D
Thời gian (phút)	18	15	20
Thang điểm	100	100	100
Điểm đạt tối thiểu	80	80	80

- **Kiểm tra trong hình đối với hạng CE:** Thời gian thực hiện bài thi: 05 phút, thang điểm 100, điểm đạt 80 điểm trở lên.

Thi chữ chi các hạng

Nội dung	Hạng B, C1, C, D2, D
Thang điểm	10
Điểm đạt tối thiểu	05

- Học viên hạng B, C1, C, D2, D phải thi hình chữ chi, số điểm đạt 05 điểm trở lên.

- Kiểm tra lái xe trên đường bằng thiết bị chấm điểm tự động hoặc chấm theo trực quan của giám khảo: Thời gian và điểm đạt như sau:

Nội dung	Hạng B, C1	Hạng C	Hạng D2, D	Hạng CE
Thang điểm	100	100	100	20
Điểm đạt tối thiểu	80	80	80	15

- Học viên được kiểm tra tất cả các nội dung

- Học viên kiểm tra đạt lý thuyết, thực hành lái xe trong hình được bảo lưu kết quả trong 01 năm kể từ ngày có kết quả đạt.

* Thời gian kiểm tra kết thúc nội dung đào tạo: Được thực hiện sau khi hoàn thành các nội dung học lý thuyết và thực hành.

4. Cách quy đổi điểm các nội dung thi về thang điểm 10

Hạng B số tự động, B số cơ khí, C1

Nội dung	Hạng B STD		Hạng B số cơ khí		Hạng C1	
	Điểm thi	Điểm quy đổi	Điểm thi	Điểm quy đổi	Điểm thi	Điểm quy đổi
Môn học lý thuyết	27	7	27	7	32	7
	28	8	28	8	33	8
	29	9	29	9	34	9
	30	10	30	10	35	10
Môn học Mô phỏng các tình huống giao thông	35-38	6	35-38	6	35-38	6
	39-42	7	39-42	7	39-42	7

	43-46	8	43-46	8	43-46	8
	47-49	9	47-49	9	47-49	9
	50	10	50	10	50	10
Thực hành lái xe bài liên hoàn trong hình.	80	5	80	5	80	5
	81-84	6	81-84	6	81-84	6
	85-89	7	85-89	7	85-89	7
	90-94	8	90-94	8	90-94	8
	95-97	9	95-97	9	95-97	9
	98-100	10	98-100	10	98-100	10
Thực hành lái xe trên đường	80	5	80	5	80	5
	81-84	6	81-84	6	81-84	6
	85-89	7	85-89	7	85-89	7
	90-94	8	90-94	8	90-94	8
	95-97	9	95-97	9	95-97	9
	98-100	10	98-100	10	98-100	10

Hạng C, D2, D, CE

Nội dung	Hạng C		Hạng D2, D		Hạng CE	
	Điểm thi	Điểm quy đổi	Điểm thi	Điểm quy đổi	Điểm thi	Điểm quy đổi
Môn học lý thuyết	36	6	41	6	41	6
	37	7	42	7	42	7
	38	8	43	8	43	8
	39	9	44	9	44	9
	40	10	45	10	45	10
Môn học Mô phỏng các tình huống giao thông	35-38	6	35-38	6	35-38	6
	39-42	7	39-42	7	39-42	7
	43-46	8	43-46	8	43-46	8
	47-49	9	47-49	9	47-49	9
	50	10	50	10	50	10
Thực hành lái xe bài liên hoàn trong hình.	80	5	80	5	80	5
	81-84	6	81-84	6	81-84	6
	85-89	7	85-89	7	85-89	7
	90-94	8	90-94	8	90-94	8
	95-97	9	95-97	9	95-97	9
	98-100	10	98-100	10	98-100	10
Thực hành lái xe trên	80	5	80	5	15	5

đường	81-84	6	81-84	6	16	6
	85-89	7	85-89	7	17	7
	90-94	8	90-94	8	18	8
	95-97	9	95-97	9	19	9
	98-100	10	98-100	10	20	10

Ghú chú: Riêng hạng CE sát hạch lái xe trong hình CE

Điểm kiểm tra môn thực hành lái xe là trung bình cộng của bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường sau khi đã quy về thang điểm 10, có tính đến hàng thập phân 1 con số.

Điều 13. Xét, cấp giấy xác nhận hoàn thành khóa học đào tạo lái xe

Điều kiện được xét hoàn thành khóa đào tạo: Người học lái xe có 100% các bài kiểm tra khi kết thúc nội dung trong chương trình đào tạo có điểm kiểm tra đạt mỗi nội dung học từ 5,0 điểm trở lên.

Thời điểm kiểm tra kết thúc nội dung: Ngay sau khi kết thúc mỗi nội dung học hoặc khi khoá học đã hoàn thành chương trình đào tạo theo kế hoạch (Lịch kiểm tra kết thúc nội dung môn học do Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe xây dựng, Ban Giám đốc phê duyệt khi bắt đầu tổ chức quá trình đào tạo của khoá học).

Quy định kiểm tra lại: Học viên vắng hoặc kiểm tra không đạt ở lần kiểm tra đầu tiên phải đến Trung tâm đăng ký lại và được Trung tâm tổ chức kiểm tra ở kỳ tiếp theo và phải đóng lệ phí kiểm tra lại theo quy định của Trung tâm. Trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Trung tâm tổ chức kiểm tra xét, cấp giấy xác nhận hoàn thành khoá đào tạo thì học viên phải được đào tạo lại theo khoá đào tạo mới.

Điều 14. Hội đồng xét hoàn thành đào tạo

1. Hội đồng xét hoàn thành khóa đào tạo do Giám đốc Trung tâm thành lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng). Hội đồng có 3 (ba) hoặc 5 (năm) thành viên, do ban Giám đốc Trung tâm làm chủ tịch, cán bộ, nhân viên của Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe giáo viên làm thành viên:

2. Nhiệm vụ của Hội đồng:

a) Thông qua danh sách người học đủ điều kiện xét hoàn thành khóa đào tạo, người học chưa đủ điều kiện hoàn thành;

b) Xếp loại hoàn thành khóa đào tạo cụ thể đối với người học đủ điều kiện xét hoàn thành đào tạo;

c) Trong thời hạn 01 ngày đến 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo, Hội đồng hoàn thành việc xét hoàn thành khóa đào tạo và có văn bản đề nghị với Giám đốc Trung tâm công nhận hoàn thành khóa đào tạo đối với người học.

Điều 15. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra, xét công nhận hoàn thành khoá đào tạo.

Sau mỗi khoá đào tạo, Phòng Đào tạo thuộc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ kết quả học tập của khoá học, bao gồm:

- a) Danh sách học viên của khoá đào tạo;
- b) Danh sách học viên được phép dự kiểm tra các nội dung học;
- c) Kế hoạch hoặc lịch tổ chức kiểm tra;
- d) Danh sách dự kiểm tra, bài kiểm tra;
- đ) Bảng điểm kết quả kiểm tra;
- e) Quyết định thành lập Hội đồng xét hoàn thành khoá đào tạo;
- f) Biên bản họp Hội đồng xét hoàn thành khoá đào tạo, danh sách công nhận hoàn thành khoá đào tạo;
- g) Danh sách người học đủ điều kiện xét hoàn thành khoá đào tạo;
- h) Quyết định công nhận khoá đào tạo và danh sách học viên kèm theo.

Điều 16. Lưu trữ tài liệu đào tạo

*** Đào tạo lái xe**

a) Lưu trữ vĩnh viễn đối với sổ theo dõi học viên hoàn thành khoá đào tạo; phương án hoạt động đào tạo hạng A1, A;

b) 03 năm đối với:

- Hồ sơ kiểm tra hoàn thành khoá học
- Báo cáo đăng ký khoá đào tạo
- Kế hoạch đào tạo
- Sổ phân công giáo viên, xe tập lái
- Mẫu tiến độ đào tạo lái xe
- Sổ tay giáo viên (sử dụng đối với các môn học lý thuyết theo hình thức tập trung trừu môn pháp luật giao thông đường bộ, sử dụng đối với các bài thực hành lái xe trên sân tập lái trừu nội dung tập lái trên ca bin trên cabin học lái xe ô tô.
- Dữ liệu lưu trữ quản lý thời gian học lý thuyết môn pháp luật về giao thông đường bộ (đối với học tập trung).
- Dữ liệu quản lý học viên trên phần mềm quản lý (đối với học từ xa, tự học có hướng dẫn).
- Dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên và dữ liệu học thực hành lái xe trên cabin học lái xe ô tô của học viên làm tài liệu quản lý đào tạo.

*** Sát hạch lái xe ô tô**

- 05 năm đối với: (Quyết định tổ chức kỳ sát hạch; danh sách thí sinh dự sát hạch; biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh; báo cáo, đề nghị sát hạch kèm theo danh sách thí sinh dự sát hạch; Biên bản phân công nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch lái

xe; Báo cáo rà soát đề xuất danh sách sát hạch viên tham gia kỳ sát hạch; Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch danh sách thí sinh đạt, vắng, trượt các môn sát hạch).

- 02 năm đối với: Dữ liệu giám sát sát hạch; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình, mô phỏng các tình huống giao thông và sát hạch lái xe trên đường; Danh sách, kết quả sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tính huống giao thông.

*** Sát hạch lái xe mô tô**

- 03 năm đối với: Lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết; thực hành lái xe trong hình. Trừ sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô tổ chức sát hạch lý thuyết bằng phương pháp trắc nghiệm trên giấy và sát hạch lái xe trong hình bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp.

Chương V

KIỂM TRA, ĐÀO TẠO

ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO LÁI XE MÔ TÔ, Ô TÔ

Điều 17. Điều kiện để học viên được tham gia thi sát hạch

1. Hồ sơ đăng ký học và tham gia thi sát hạch phải đầy đủ các yếu tố theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 4 quy chế này, học viên chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin.

2. Cơ sở đào tạo có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu học viên không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển hoặc có sự sai lệch thông tin trong hồ sơ gốc.

Điều 18. Phương pháp đào tạo

1. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe mô tô hai bánh hạng A1, A được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải đăng ký tại các phòng, ban thuộc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe để được tổ chức ôn luyện.

2. Đào tạo tập trung, giảng dạy chủ yếu bằng hình ảnh trực quan hỏi đáp là chính.

Chương VI

**ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG, KIỂM TRA, CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Điều 19. Hồ sơ của người học

1. Đơn đề nghị học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025.

2. 03 ảnh màu kích thước 2x3 cm chụp không quá 06 tháng, kiểu căn cước.

Điều 20. Địa điểm tuyển sinh, hình thức đào tạo kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

1. Địa điểm tuyển sinh: Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe thuộc Công ty CP Xây dựng và Vận tải Gia Lai.

Địa chỉ: Đường Lý Thường Kiệt, P. Pleiku tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 02693.828710, 02693 874585.

2. Hình thức đào tạo

Người học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về pháp luật giao thông đường bộ phải được đào tạo tại Trung tâm.

Điều 21. Tiêu chuẩn Trung tâm đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng thực hiện bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Phải có đủ phòng học lý thuyết, có tài liệu giảng dạy, sa hình và hệ thống biển báo hiệu giao thông đường bộ theo quy định.

Điều 22. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

1. Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ: Trung tâm tiếp nhận hồ sơ người tham gia bồi dưỡng đủ điều kiện theo quy định điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và thành phần hồ sơ theo quy định tại điều 20 thông tư 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025, lập báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại phụ lục XII ban hành kèm theo thông tư 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025.

- Trung tâm căn cứ chương trình đào tạo quy định tại điều 17 thông tư 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025.

- Tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại phụ lục XIII 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người học đạt được, trường hợp chưa đạt yêu cầu tổ chức lại sau 07 ngày làm việc.) Điểm đánh giá kết quả học tập của học viên theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số. Điểm kiểm tra đạt mỗi môn học từ 5,0 điểm trở lên thì đạt yêu cầu.

2. Căn cứ Chương trình đào tạo quy định tại Điều III Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025, giáo trình đào tạo được Trung tâm đào tạo ban hành tổ chức xây dựng kế hoạch, đào tạo đầy đủ các nội dung theo quy định.

TT	Nội dung chương trình	Số giờ
1.	Pháp luật về giao thông đường bộ	12
2.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	5
3.	Quy định về tốc độ và khoản cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ	3

4.	Quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ	4
5.	Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ	3
6.	Ôn tập và kiểm tra	5
	Tổng thời gian đào tạo	32

Điều 23. In, quản lý chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

Căn cứ mẫu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025, Trung tâm bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ thiết kế mẫu phôi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, kèm theo lô gô của Trung tâm (nếu có).

2. Giám đốc phê duyệt mẫu phôi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ của Trung tâm và gửi về Sở Xây Dựng, cơ quan công an cấp Tỉnh để báo cáo; chịu trách nhiệm quản lý phôi chứng chỉ cơ sở mình.

3. Việc in phôi chứng chỉ phải đảm bảo chặt chẽ, an toàn, bảo mật và phải được lập sổ quản lý.

Điều 24. Lưu trữ hồ sơ kết quả kiểm tra

1. Nội dung lưu trữ

- a) Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;
- b) Danh sách thí sinh tham dự kiểm tra;
- c) Quyết định tổ chức kiểm tra;
- d) Sổ cấp chứng chỉ.

2. Thời gian lưu trữ tài liệu

- a) Không thời hạn đối với Sổ cấp chứng chỉ;
- b) 02 năm đối với tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 điều này.

Điều 25. Cấp chứng chỉ

Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, Giám đốc Trung tâm cấp chứng chỉ cho người học.

Điều 26. Cấp lại chứng chỉ

1. Người có chứng chỉ bị hỏng hoặc có sự sai lệch về thông tin có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp chứng chỉ sẽ được cấp lại theo số hiệu chứng chỉ đã cấp.

- a) Hồ sơ đề nghị cấp lại mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo

14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025.

b) 03 ảnh màu kích thước 2x3 cm chụp không quá 06 tháng.

2. Người có chứng chỉ bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp chứng chỉ sẽ được cấp lại theo số hiệu chứng chỉ đã cấp Hồ sơ cấp lại thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Trình tự thực hiện:

a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm;

b) Trung tâm kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận; trường hợp chứng chỉ không thuộc đối tượng được cấp lại hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Trung tâm cấp lại chứng chỉ; trường hợp không cấp lại chứng chỉ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Chương VII

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Thanh tra, kiểm tra hoạt động thi, kiểm tra xét hoàn thành khóa đào tạo,

Quá trình Kiểm tra của Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe chịu sự thanh tra giám sát của cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra hoạt động kiểm tra và công nhận hoàn thành khóa học của Trung tâm.

Điều 28. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, giáo viên coi thi, học viên vi phạm các quy định về xét công nhận hoàn thành khóa đào tạo.

1. Trong quá trình xét, công nhận hoàn thành khóa đào tạo, khóa học nếu học viên vi phạm Quy chế này tùy theo mức độ hành vi sẽ bị xử lý theo một trong các hình thức sau:

a) Khiển trách, cho tiếp tục kiểm tra nhưng trừ 50% điểm bài kiểm tra: chỉ áp dụng đối với kết thúc khóa học.

b) Đình chỉ thi, kiểm tra và cho điểm (0) cho bài thi, kiểm tra đó;

c) Đình chỉ, buộc thôi học hoặc không công nhận hoàn thành môn học, khóa đào tạo;

2. Cán bộ, giáo viên vi phạm các quy định về xét công nhận hoàn thành khóa đào tạo môn học, khóa học tùy mức độ hành vi sai phạm phải được xử lý theo các hình thức kỷ luật của Trung tâm hoặc bị truy tố trước Pháp luật.

3. Các học viên trong quá trình học tập, thực hiện các bài kiểm tra thực hành vi phạm Pháp luật về giao thông đường bộ gây tai nạn, mất an toàn thì giáo viên trực tiếp và học viên đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật và chịu trách nhiệm bồi thường chi phí thiệt hại về con người và tài sản.

4. Các trường hợp vi phạm đều phải lập biên bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng hoặc Giám đốc Trung tâm xem xét, quyết định.

Điều 29. Xử lý khiếu nại, tố cáo trong xét hoàn thành môn học, khóa đào tạo

Giám đốc Trung tâm phải có trách nhiệm trả lời các khiếu nại, tố cáo về việc xét công nhận hoàn thành môn học, khóa đào tạo trong thời hạn theo quy định của Pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Đội trưởng các đội xe, Trưởng Ban tuyển sinh, học viên học lái xe ô tô, mô tô, tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế này, quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh bằng văn bản về Giám đốc Trung tâm xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Ban GĐTT;
- Các phòng ban;
- Đội xe;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

PHẠM XUAN BẢO